TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 25/2018/DS-GĐT
Ngày 19-11-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Hiền;
Ông Tống Anh Hào;
Ông Chu Xuân Minh;
Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất gỗ và thương mại Đ.

Địa chỉ: Đường T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Đào B- Tổng Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thái Lê Anh T, sinh năm 1982 (Văn bản ủy quyền ngày 06-5-2013).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 10 đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn H - Luật sư của Công ty luật Văn Hiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nhà máy chế biến gỗ S (Xí nghiệp chế biến gỗ S) do bà V là chủ sở hữu;

Địa chỉ: Bản MayCocHay, huyện Mường Phìn, tỉnh Savanakhet, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19-12-2011, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-3-2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02-5-2012 và trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH sản xuất gỗ và thương mại Đ do ông Đào B là đại diện theo pháp luật và ông Thái Lê Anh T (đại diện theo ủy quyền của ông B) trình bày:

Ngày 15-8-2011, bà Nguyễn Thị Kim H nhờ ông Phạm Xuân T (Cán bộ Công ty Lâm nghiệp B) đứng tên ký hợp đồng thuê kho của Công ty TNHH sản xuất gỗ và thương mại Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) để chứa gỗ. Sau khi đưa hàng về kho của Công ty TNHH sản xuất gỗ và thương mại Đ, hai bên có bàn bạc và Công ty Đ đặt vấn đề mua lô gỗ đó. Theo yêu cầu của bà H, Công ty Đ làm thủ tục vay số tiền 2.000.000.000 đồng (theo giấy vay tiền ngày 10-10-2011) của Nhà máy chế biến gỗ S (Lào) và nhờ đơn vị này làm thủ tục chuyển trả trước tiền mua hàng cho bà H là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng); tất cả các thỏa thuận trên chỉ bằng lời nói mà không lập văn bản giấy tờ vì tin tưởng do trước đó Công ty Đ và bà H đã có quan hệ mua bán gỗ.

Để chuẩn bị thực hiện việc ký kết hợp đồng, Công ty Đ tiến hành xem xét thực tế lô hàng thì thấy lô gỗ của bà H đang để trong kho của Công ty Đ không đảm bảo yêu cầu, nên Công ty Đ thông báo cho bà H là Công ty không mua lô gỗ đó nữa. Sau khi hợp đồng không được ký kết, thực hiện, nhiều lần Công ty Đ đã yêu cầu bà H chuyển trả lại 1.000.000.000 đồng nhưng bà H không trả, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty Đ.

Do vậy, nay Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H trả lại khoản tiền 1.000.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến ngày 30-4-2012 là 52.400.000đ.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà phản bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng từ trước đến nay giữa bà và Công ty Đ không có quan hệ mua bán gì. Bà cho rằng khoản tiền 1.000.000.000 đồng mà Nhà máy chế biến gỗ S chuyển cho bà theo ủy nhiệm chi ngày 11-10-2011 là số tiền "Trả tiền mua hàng" thuộc quan hệ mua bán hàng hóa giữa bà với bà V- Chủ sở hữu Nhà máy chế biến gỗ S chứ không liên quan gì với Công ty Đ. Tại biên bản hòa giải ngày 08-8-2012, bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn 250.000.000 đồng.

Ngày 08-8-2012, bà có đơn phản tố yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nhà máy S phải tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán gỗ trắc tại Công ty Đ mà hai bên đã thỏa thuận vào ngày 11-10-2011. Nếu vẫn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì yêu cầu bồi thường thiệt hại 1.000.000.000 đồng, theo đó hai bên đối trừ nghĩa vụ cho nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V (Viêng Keo)- Chủ sở hữu Nhà máy chế biến gỗ S trình bày:

Ngày 10-10-2011, đại diện Công ty Đ do ông Đào Mạnh T1 (Giám đốc trước đây của Công ty) đã lập hợp đồng (Giấy vay tiền) vay Nhà máy chế biến

gỗ S 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) với nội dung để chuyển trả trước tiền mua hàng cho đối tác; đồng thời nhờ Nhà máy làm chứng từ chuyển cho bà Nguyễn Thị Kim H và ông Lê Bá T2 mỗi người 1.000.000.000 đồng. Xuất phát từ mối quan hệ là ông Đào Mạnh T1 (Giám đốc Công ty Đ) là cháu của chồng bà là ông Đào B (lúc đó là Chủ tịch HĐQT Công ty Đ) nay là Tổng Giám đốc Công ty Đ, nên bà đồng ý làm theo nội dung hợp đồng yêu cầu. Ngoài ra, bà không có quan hệ mua bán gì với bà H, ông T2.

Ngày 15-6-2012, Nhà máy chế biến gỗ S đã có hợp đồng chuyển giao toàn bộ yêu cầu cho Công ty Đ đòi lại số tiền 1.000.000.000 đồng mà Nhà máy S đã chuyển cho bà Nguyễn Thị Kim H.

Ngày 15-7-2015, bà V tiếp tục khẳng định số tiền 1.000.000.000 đồng nêu trên là tiền mà Công ty Đ vay của bà và nhờ bà chuyển cho bà H, nên đề nghị bà H trả lại tiền này cho Công ty Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2012/KDTM-ST ngày 26-9-2012, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải hoàn trả cho Công ty TNHH sản xuất gỗ và thương mại Đ số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn về số tiền cả gốc và lãi, tổng cộng 452.400.000 đồng

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, trách nhiệm do việc chậm thi hành án và thời hạn kháng cáo.

Ngày 09-10-2012, Công ty Đ kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án buộc bà H phải trả toàn bộ 1.000.000.000 đồng và 54.200.000 đồng tiền lãi.

Ngày 11-10-2012, bà H kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định số 1500/QĐ/KNPT-P5 ngày 08-10-2012, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị kháng nghị Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên; đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để thu thập chứng cứ chứng minh; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 11/2013/KDTM-PT ngày 13-3-2013, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng (cũ) quyết định:

Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên; chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để giải quyết sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DS- ST ngày 22-01-2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải hoàn trả cho Công ty TNHH sản xuất gỗ và thương mại Đ số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn).

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, trách nhiệm do việc chậm thi hành án và thời hạn kháng cáo.

Ngày 02-02-2015, bà Nguyễn Thị Kim H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 09/2015/DS-PT ngày 26-11-2015, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định**:**

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DS-ST ngày 22-01-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về án phí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Đào B (là đại diện theo pháp luật của Công ty Đ) có đơn đề nghị xem xét Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 26/2018/KN-DS ngày 31-7-2018, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 09/2015/DS-PT ngày 26-11-2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DS-ST ngày 22-01-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất gỗ và thương mại Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H trả lại khoản tiền 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 30-4-2012 là 52.400.000 đồng. Theo Công ty Đ, đây là khoản tiền mà bà H yêu cầu Công ty Đ trả trước số tiền mà Công ty Đ mua lô gỗ của bà H; lô gỗ này được gửi tại kho của Công ty Đ. Nhưng sau đó do lô gỗ không đảm bảo yêu cầu, nên Công ty Đ không mua lô gỗ đó và yêu cầu bà H trả lại tiền, nhưng bà H không trả lại.

Trong quá giải quyết vụ án, Công ty Đ cho rằng để chuyển trả trước cho bà H số tiền 1.000.000.000 đồng, Công ty đã phải làm giấy vay 2.000.000.000 đồng của Nhà máy chế biến gỗ S (Lào) do bà V là chủ sở hữu và nhờ đơn vị

này làm thủ tục chuyển trả trước tiền mua hàng cho bà H 1.000.000.000 đồng; chuyển trả cho ông Lê Bá T2 số tiền 1.000.000.000 đồng. Công ty Đ xuất trình "Giấy vay tiền" ghi ngày 10/10/2011, Ủy nhiệm chi ngày 11-10-2011 để minh chứng cho yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[2] Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim H cho rằng từ trước đến nay bà không có quan hệ mua bán với Công ty Đ, còn khoản tiền 1.000.000.000 đồng mà Nhà máy chế biến gỗ S chuyển cho bà theo "Ủy nhiệm chi" ngày 11-10-2011 là số tiền "trả tiền mua hàng" thuộc quan hệ mua bán giữa bà H với bà V (chủ sở hữu Nhà máy S), không liên quan đến Công ty Đ, nên bà không đồng ý với yêu cầu của Công ty Đ.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nhà máy chế biến gỗ S (sau đây viết tắt là Nhà máy S) do bà V là chủ sở hữu cho rằng: Ngày 10-10-2011, ông Đào Mạnh T1 (là cháu của chồng bà và là người đại diện cho Công ty Đ) đã lập hợp đồng (Giấy vay tiền) vay Nhà máy S 2.000.000.000 đồng để chuyển trả trước tiền mua hàng cho đối tác, đồng thời nhờ Nhà máy S làm chứng từ chuyển cho bà Nguyễn Thị Kim H và ông Lê Bá T2 mỗi người 1.000.000.000 đồng; bà khẳng định Nhà máy S không có quan hệ mua bán với bà H, ông T2.

[4] Trong quá trình tố tụng, đại diện Công ty Đ cho rằng do trước đó đã có quan hệ mua bán gỗ với bà H, nên khi thấy bà H gửi lô gỗ đó tại kho của Công ty Đ thì hai bên đã trao đổi miệng về việc mua bán lô gỗ này, theo đó bà H yêu cầu Công ty Đ chuyển trước 1.000.000.000 đồng, nên Công ty Đ đã vay tiền Nhà máy S và nhờ Nhà máy S làm thủ tục chuyển tiền cho bà H. Lời khai này của nguyên đơn phù hợp với lời khai của bà V (Chủ sở hữu nhà máy S) đó là nhà máy S đã cho Công ty Đ vay tiền và làm thủ tục chuyển cho bà H 1.000.000.000 đồng thông qua ủy nhiệm chi ngày 11-10-2011 theo yêu cầu của Công ty Đ.

Tại Biên bản đối chất ngày 03-5-2012 và Biên bản lấy lời khai ngày 05-6-2012, nguyên đơn cho rằng giữa Công ty Đ và bà H đã có 01 lần mua bán gỗ trước đó và lần này là lần thứ hai thì xảy ra tranh chấp. Trước đây, Công ty Đ đã đề nghị Nhà máy S chuyển 02 lần tiền cho bà H (tháng 9/2011 chuyển 3.000.000.000 đồng; ngày 19-9-2011 chuyển 2.670.000.000 đồng) để thanh toán cho hợp đồng mua bán gỗ trị giá hơn 7 tỷ đồng (hợp đồng này đã tất toán); lời khai này của nguyên đơn cũng phù hợp với lời khai của bà V (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), phù hợp với Hợp đồng mua bán gỗ ngày 15-9-2011 giữa công ty Đ với bà H và Phiếu chi tiền mặt ngày 21-9-2011 giữa Công ty Đ và bà H.

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định lời khai của bà H cho rằng trước nay không có quan hệ mua bán với Công ty Đ là không đúng. Mặt khác, bà H cho rằng chỉ có quan hệ mua bán gỗ với Nhà máy

S do bà V là chủ sở hữu, nhưng bà V không thừa nhận điều này, trong khi đó bà H cũng không xuất trình được bất kỳ tài liệu, giấy tờ chứng minh có quan hệ mua bán gỗ với Nhà máy S.

Mặt khác, tại Biên bản hòa giải ngày 08-8-2012, chính bị đơn đã thừa nhận có thỏa thuận mua bán gỗ với nguyên đơn; đồng thời, bị đơn cũng thừa nhận đã nhận 1.000.000.000 đồng của nguyên đơn.

Như vậy, với các chứng cứ nêu trên, có đầy đủ căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán gỗ nhưng chưa đi đến ký kết hợp đồng. Có căn cứ xác định giữa các bên có việc chuyển tiền mua bán gỗ và nguyên đơn đã chuyển trả trước cho bị đơn 1.000.000.000 đồng (đây là số tiền nguyên đơn vay của nhà máy S và nhờ nhà máy S làm thủ tục chuyển trả cho bị đơn), nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi tiền trả trước cho bị đơn là có cơ sở.

[6] Do chưa hình thành Hợp đồng mua bán gỗ và cũng không có tranh chấp về hợp đồng này mà chỉ xét nghĩa vụ trả tiền của bị đơn, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền chuyển trước 1.000.000.000 đồng và không chấp nhận khoản tiền lãi là có cơ sở vì đây không phải là khoản tiền vay. Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét toàn diện các chứng cứ, dẫn đến nhận định không phù hợp với thực tế khách quan của vụ việc; từ đó, cho rằng nguyên đơn không có quyền khởi kiện và quyết định hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và không đúng với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011).

Đồng thời, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nhưng lại buộc nguyên đơn phải chịu án phí là 43.572.000 đồng (sau khi đối trừ số tiền nguyên đơn đã nộp là 21.000.000 đồng), còn phải nộp tiếp 22.572.000 đồng là không đúng với quy định tại khoản 3 Điều 193 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, khoản 2 Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 26/2018/KN-DS ngày 31/7/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 09/2015/DS-PT ngày 26-11-2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" giữa nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất gỗ và thương mại Đ với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim H; người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan là Nhà máy chế biến gỗ S (Xí nghiệp chế biến gỗ S) do bà V là chủ sở hữu.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC - Vụ 9 VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng (kèm theo hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, TP, Vụ GĐKT II TANDTC (3 bản); Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Minh